

Bản án số: 43/2024/HSST.

Ngày: 15/5/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH H
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tân Huyền
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thìn và ông Phan Xuân Hùng
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phụng - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 34/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức D**- Sinh năm 2000, tại M, H; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Y, phường P, thị xã M, tỉnh H; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Họ và tên bố: Nguyễn Đức T. (Đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị X; Vợ: Nguyễn Hải Y. Sinh năm 2005 có 02 con; lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường P, thị xã M, tỉnh H (*Có mặt tại phiên tòa*).

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Hải Y – Sinh ngày 18/5/2005

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường P, thị xã M, tỉnh H.

Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị X – Sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường P, thị xã M, tỉnh H.

Chị Đặng Hồng Dên – Sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh H.

(Người bị hại và người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức D quen biết với chị Nguyễn Hải Y, sinh ngày 18/5/2005 trên mạng xã hội. Sau đó D và chị Y phát sinh quan hệ tình cảm yêu nhau.

Khoảng tháng 01 năm 2021 chị Y đến nhà D ở tổ dân phố Y, phường P chơi, sau đó D đã quan hệ tình dục với chị Y 01 lần tại phòng ngủ của D. Đến tháng 4 năm 2021 chị Y phát hiện mình có thai nên đã thông báo cho D biết. Sau đó hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương cho chị Y và D nhưng chưa đăng ký kết hôn do chị Y chưa đủ tuổi. Sau khi cưới, chị Y về gia đình D chung sống. Ngày 26/10/2021 chị Y sinh con tại bệnh viện đa khoa Phố Nối, thị xã M và đặt tên con là Nguyễn Gia Bảo. Ngày 23/5/2023 chị Y đủ 18 tuổi nên đã đăng ký kết hôn cùng D tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã M. Ngày 04/9/2023 chị Y đến Công an phường P làm thủ tục nhập khẩu của chị Y cùng cháu Bảo về tổ dân phố Y, phường Phan Phùng, thị xã M. Khi làm thủ tục chuyển khẩu cho chị Y Công an phường P phát hiện thấy có dấu hiệu của tội phạm, đã tiến hành xác minh, báo cáo và chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M giải quyết theo thẩm quyền.

Kết quả xác minh hồ sơ của chị Y tại Bệnh viện đa khoa Phố Nối xác định: Ngày 26/10/2021 chị Nguyễn Hải Y vào viện cấp cứu thai 40 tuần 02 ngày, vào viện trong tình trạng giảm ối.

Ngày 18/12/2023 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M tiến hành thu mẫu tóc của Nguyễn Đức D (niêm phong ký hiệu B), thu mẫu tóc Nguyễn Hải Y (niêm phong ký hiệu M) và thu mẫu dịch niêm mạc miệng của cháu Nguyễn Gia Bảo (niêm phong ký hiệu C). Sau đó ra Quyết định trưng cầu giám định AND tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an để xác định quan hệ huyết thống giữa chị Nguyễn Thị Hải Y và cháu Nguyễn Gia Bảo, giữa Nguyễn Đức D và cháu Nguyễn Gia Bảo.

Tại bản kết luận giám định số 9396/KL-KTHS ngày 05/01/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Nguyễn Hải Y và Nguyễn Gia Bảo có quan hệ huyết thống mẹ đẻ- con đẻ; Nguyễn Đức D và Nguyễn Gia Bảo có quan hệ huyết thống cha đẻ- con đẻ. Lưu kiểu gen (AND) của Nguyễn Hải Y, Nguyễn Gia Bảo và Nguyễn Đức D tại Viện khoa học hình sự- Bộ Công an.

Hoàn trả lại các đối tượng giám định: Các mẫu tóc ghi thu của Nguyễn Hải Y, Nguyễn Đức D và mẫu niêm mạc miệng ghi thu của Nguyễn Gia Bảo đã sử dụng hết để thực hiện giám định nên không hoàn trả.

Quá trình điều tra xác định: Sau khi quan hệ tình dục với D và khi sinh con chị Y không bị tổn hại về sức khỏe hay mắc bệnh tâm thần nên đã từ chối giám định tỷ lệ tổn hại sức khỏe cũng như giám định về tâm thần. Nguyễn Đức D đã tự nguyện bồi thường cho chị Y số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Chị Y có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho D.

Bản cáo trạng số: 35/CT-VKSMH ngày 02/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức D về tội “ *Giao cấu với người từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử: Điểm d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức D phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Xử phạt bị cáo **03** (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường P, thị xã M, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung cấm làm công việc nhất định đối với bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện nên đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp biên bản vụ việc, kết luận giám định ADN; phù hợp lời khai của người bị hại, những người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 01 năm 2021, tại nhà ở của gia đình bị cáo ở tổ dân phố Y, phường P, thị xã M, tỉnh H; bị cáo Nguyễn Đức D đã thành niên, đã quan hệ tình dục với chị Nguyễn Hải Y, lúc quan hệ tình dục thì chị Y 15 tuổi 08 tháng và làm chị Y có thai. Ngày 26/10/2021 chị Y sinh con đặt tên là Nguyễn Gia Bảo, thời điểm sinh con chị Y được 16 tuổi 05 tháng. Viện kiểm sát nhân dân thị xã M truy tố bị cáo Nguyễn Đức D về tội “ *Giao cấu với người từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

2] Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Do bị cáo quen biết với chị Nguyễn Hải Y trên mạng xã hội, sau đó thì phát sinh quan hệ tình cảm yêu đương nam nữ và đã quan hệ tình dục 01 lần làm chị Y có thai. Ngày 26/10/2021 chị Y sinh con tại bệnh viện đa khoa Phở Núi, thị xã M và đặt tên con là Nguyễn Gia Bảo. Ngày 23/5/2023

chị Y đủ 18 tuổi nên đã đăng ký kết hôn cùng D tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã M. Mặc dù việc quan hệ tình dục là sự đồng thuận của cả hai, không bên nào ép buộc bên nào, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự phát triển bình thường về mặt tình dục đối với người chưa đủ 16 tuổi. Mục đích của bị cáo là lợi dụng sự non nớt về nhận thức của bị hại để thỏa mãn nhu cầu tình dục của bản thân nên cần phải bị xử lý hình sự. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho chị Y số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả và chị Y có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ động cơ, mục đích, tính chất của hành vi phạm tội được thực hiện với tính chất giản đơn và xuất phát từ tình cảm yêu đương nam nữ giữa bị cáo và bị hại, hiện tại chị Y và bị cáo đã đăng ký kết hôn và đang chung sống hạnh phúc đồng thời mới sinh thêm con thứ hai. Xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm và ấn định thời gian thử thách cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là lao động tự do nên hội đồng xét xử sẽ không áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo làm công việc nhất định.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Y đã nhận số tiền 20.000.000đ bị cáo bồi thường và tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

* Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức D phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

* Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D **03** (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức D cho UBND phường P, thị xã M, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

* Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đức D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./

Nơi nhận:

- VKSND thị xã M;
- Cơ quan CSĐT -CA thị xã M;
- Cơ quan T.H.A HS-CA thị xã M;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Phòng KTNV và T.H.A - Tòa án tỉnh H;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tân Huyền

